

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 186/2000/QĐ/BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Về việc ban hành mức thu phí cầu Quán hầu - Quốc lộ 1A

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải (công văn số 3478/BGTVT-TCKT ngày 13/10/2000);

Theo đề nghị của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí cầu Quán hầu - Quốc lộ 1A.

Mức thu phí tại Điều này áp dụng đối với các đối tượng thu, nộp qui định tại Thông tư số 57/1998/TT-BTC ngày 27/4/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu phí cầu đường của Nhà nước quản lý, Thông tư số 75/1998/TT-BTC ngày 2/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 1.d, mục A, phần IV và điểm 3.n, mục I Thông tư số 57/1998/TT-BTC ngày 27/4/1998 của Bộ Tài chính và Thông tư số 05/1999/BTC ngày 13/1/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 3, mục I Thông tư số 57/1998/TT-BTC ngày 27/4/1998.

Điều 2: Cơ quan thu phí cầu Quán hầu - Quốc lộ 1A thực hiện thu, nộp và quản lý tiền phí thu được theo qui định tại Thông tư số 57/1998/TT-BTC ngày 27/4/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu phí cầu đường của Nhà nước quản lý.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/12/2000. Mọi qui định về mức thu phí trước đây trái với qui định tại quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4: Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí cầu Quán hầu - Quốc lộ 1A và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BIỂU MỨC THU PHÍ CẦU QUẢN HÀU QUỐC LỘ 1A.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 186 /2000/QĐ/BTC

ngày 11 tháng 11 năm 2000 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

TT	ĐỐI TƯỢNG THU PHÍ	MỨC THU	
		Vé thông thường (đồng/vé/lần)	Vé tháng (đồng/vé/tháng)
1	Xe máy	500	7.000
2	Xe lam, máy kéo, công nông, bông sen	5.000	75.000
3	Xe ô tô các loại đến 11 chỗ ngồi, xe buýt công cộng và xe có trọng tải dưới 2 tấn	10.000	150.000
4	Xe ô tô từ 12 đến 30 chỗ ngồi và xe có trọng tải từ 2 đến dưới 4 tấn	20.000	300.000
5	Xe ô tô từ 31 chỗ ngồi trở lên và xe có trọng tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	25.000	370.000
6	Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 15 tấn	30.000	450.000
7	Xe có trọng tải từ 15 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit trở lên đến dưới 40 fit	50.000	750.000
8	Xe tải có trọng tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit trở lên	70.000	1.000.000

TỔNG CỤC THUẾ